

CHỦ ĐỀ 21: NHỮNG BÔNG HOA NHỎ

BÀI 1: BÔNG HOA NIỀM VUI (tiết 1 – 4, SHS, tr. 26 – 28)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề và những kinh nghiệm xã hội của bản thân, trao đổi với bạn về những việc mà mình đã làm tốt.
2. Từ việc quan sát tranh minh hoạ bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nhân vật chính và nội dung bài đọc.
3. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
4. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
5. Chỉ ra được những việc làm tốt của nhân vật trong bài đọc. Từ đó, liên hệ đến những việc tốt của bản thân và bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, biết giúp đỡ mọi người xung quanh.
6. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ A và viết câu ứng dụng. Thực hiện đúng kĩ năng nhìn – viết câu/ đoạn văn.

7. Phân biệt đúng chính tả *an/ ang* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.

8. Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi. Luyện viết sáng tạo theo nội dung đã nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.

9. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, VBT, SGK.

– Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa tiếng có vần *ui, iu* kèm theo thẻ từ (nếu có).

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

– Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (câu có thán từ, tiểu từ tình thái; câu hỏi – đáp vai bằng nhau,...).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

– HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Những bông hoa nhỏ*. GV có thể giải thích ý nghĩa của tên gọi *Những bông hoa nhỏ*. (Gợi ý: hỏi HS về việc được tặng phiếu Hoa bé ngoan trong trường hợp nào (khi ở trường/ khi ở nhà). Từ đó, giúp HS nhận ra ý nghĩa của tên gọi *Những bông hoa nhỏ*: trẻ em làm việc tốt, đáng khen, đáng yêu.). HS trao đổi với bạn về những việc làm tốt mà HS biết.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa bài đọc và trả lời câu hỏi khởi động trong SHS. Gợi ý để HS sử dụng một số từ ngữ biểu thị hình ảnh, nhân vật sẽ xuất hiện trong bài tập đọc, chẳng hạn hỏi HS “Bức tranh vẽ những ai, họ đang làm gì?”, “Em nghĩ bạn nhỏ đang nghĩ về ai?”, “Chuyện gì xảy ra với ba của bạn nhỏ?”,...

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý**: GV vừa đọc mẫu, vừa đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, và dùng ánh mắt, cử chỉ, giọng nói cho phù hợp với tình tiết truyện. VD: “An có hái hoa không?”, “Cô giáo có cho An hái hoa không?”...).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó như: *sáng sớm, vườn hoa, trường,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu, cách đọc câu có từ ngữ thán từ, tiểu từ tình thái (**Lưu ý:** với HS lớp 1, chưa yêu cầu đọc phân vai).

– HS đọc thành tiếng. **Chú ý:** GV tổ chức đọc theo nhóm nhỏ để đảm bảo từng HS đều đọc hết bài đọc hoặc ít nhất một đoạn trong bài đọc; không tổ chức đọc luân phiên/ nối tiếp từng câu. GV cần lưu ý việc sửa cách phát âm/ việc đọc sai của trẻ theo hướng tiếp cận cá nhân, không nhận xét, sửa sai trước toàn lớp, trừ trường hợp có nhiều HS trong lớp cùng mắc lỗi tương tự.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *dịu,...* (**Lưu ý:** Hạn chế cách giải thích nghĩa của từ điển. Tận dụng cách giải thích nghĩa bằng phương pháp trực quan, đặt câu, dùng ngữ cảnh,...).

TIẾT 2

– HS đọc lại bài đọc. (**Lưu ý:** yêu cầu HS đọc mấp máy môi/ đọc thầm, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ui, iu*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ui, iu*. GV nhắc HS chú ý nhìn trật tự của các con chữ để tránh nhầm lẫn khi nhận diện hai vần có hình thức đảo ngược *ui, iu*).

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ui, iu*. **Lưu ý:** với HS yếu, có thể cho HS đọc từ mẫu trong SHS và giải thích nghĩa của từ bằng nhiều hình thức khác nhau.

– HS đặt câu chứa từ có vần *ui, iu* vừa tìm được (GV có thể nêu mẫu ngắn gọn, dùng từ mẫu ở SHS để hướng dẫn HS, VD: *Nhà em có một cái máy hút bụi. Mẹ địu em bé lên nương rẫy.*).

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi các nội dung, như tên truyện đọc, có mấy nhân vật, đó là những nhân vật nào, ai là nhân vật chính (Gợi ý: nhân vật chính là nhân vật được nói đến nhiều nhất). Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi trong SHS, GV có thể gợi ý/ chỉ dẫn thêm, VD: “Đọc đoạn từ *Sáng sớm... dịu cơn đau*, tìm xem lí do An muốn hái bông hoa.”, “Có chuyện gì xảy ra với ba của An?”, “Đọc đoạn *An gιο tay... là của chung*, tìm lí do An không hái hoa nữa.”, “Bài đọc nói về điều gì? Hãy đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý em chọn: Cô giáo hái tặng bạn An bông hoa cúc, Tấm lòng hiếu thảo của bạn An”,... Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm một số câu hỏi. VD: “Vì sao cô giáo khen An là cô bé hiếu thảo?”, “Ngoài hiếu thảo, em thấy bạn An còn tính tốt nào khác nữa?”,...

Lưu ý: Câu hỏi xác định đại ý của bài đọc dựa vào gợi ý được thiết kế trong VBT để HS có thể đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý mình chọn. Đây là kỹ năng khó với HS tiểu học do các em hay bị nhiễu bởi nội dung của từng đoạn hoặc một chi tiết trong bài. Vì vậy, cách hỗ trợ HS là GV đưa ra các đại ý khác nhau theo hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn để HS đối chiếu với các ý đã biết, rồi chọn lựa đại ý đã chọn. Sau đó, GV đặt câu hỏi hướng dẫn HS giải thích lí do vì sao chọn (căn cứ vào chỗ nào trong bài đọc để chọn ý đó).

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ A và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ hoa chữ A

– HS tìm hiểu ý nghĩa của việc viết hoa. Gợi ý: GV yêu cầu HS viết tên của mình ra giấy (GV cũng có thể sử dụng chính tên của mình để viết lên bảng). Cho HS so sánh tên riêng của mình với tiếng giống tên riêng được đặt trong câu nói bình thường và ở đầu câu. VD: “Cô tên là Mai.”, “Cây mai đã nở hoa.”, “Mai là ngày đầu năm mới.”.

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ A (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết). GV có thể lặp lại lần 2 quy trình tô chữ A để HS quan sát và ghi nhớ.

– HS dùng ngón tay viết con chữ A hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ A hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và điểm kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng. (GV giải thích ý nghĩa của câu ứng dụng *Ai cũng là một bông hoa đẹp.*)

– HS nghe GV nhắc lại quy trình tô chữ A hoa và cách nối từ chữ A sang chữ i.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV (GV nhắc HS chú ý các điểm đặt, điểm kết thúc, nối giữa chữ hoa và chữ thường, khoảng cách giữa các chữ trong một dòng, dấu chấm cuối câu).

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

– HS đọc lại câu văn được yêu cầu viết chính tả. HS nghe GV hướng dẫn về những điểm lưu ý khi nhìn – viết một câu văn khác với viết câu thơ đã học trước đó, VD: lùi đầu dòng ngắn hơn, không xuống dòng, có dấu chấm cuối câu, đầu câu viết hoa.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hoặc do có nhiều hình thức chữ viết cho một âm (*d/ gi*). VD: *niềm vui, dịu, cơn đau*. HS giải thích nghĩa của những từ vừa nêu và đặt câu.

– HS nhìn và viết câu văn vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS lùi vào đầu dòng, nhắc HS có thể viết chữ in hoa chữ đầu câu (không bắt buộc viết hoa theo mẫu viết tay chữ Em). Nhắc HS viết dấu chấm cuối câu.

– HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

– HS đọc yêu cầu của từng bài tập được giao. Tuỳ đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.

– HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập (**Lưu ý:** với những HS chậm, GV có thể hỏi HS, VD: “Bức tranh số 1 vẽ bạn trai đang làm gì?” (*lau bàn ăn*), “Chữ bàn kết thúc bằng âm gì?”, “Bức tranh số 2 vẽ bạn gái đang làm gì?” (*phụ mẹ bán hàng*), “Chữ hàng kết thúc bằng âm gì?”,...).

– HS thực hiện bài tập vào VBT, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

– HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.

– HS quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức tranh thứ nhất, bạn nhỏ đang làm gì?”, “Ở bức tranh thứ hai, bạn gái đang làm gì?”,... HS động não suy nghĩ về việc nhà mà HS từng làm. Khuyến khích HS suy nghĩ về một nội dung khác không thuộc 3 hoạt động đã gợi ý trong tranh. Với HS yếu, hướng dẫn HS dùng các gợi ý trong tranh.).

– HS quan sát phần làm mẫu của hai bạn HS. HS nghe GV hướng dẫn cách đặt câu hỏi cho phù hợp với nội dung của bài tập. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS sử dụng bảng từ dùng để hỏi, VD: *ai, cái gì, điều gì, làm gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao*,... để lựa chọn câu hỏi phù hợp với mục đích hỏi của mình. GV có thể cùng HS làm một bảng từ dùng để hỏi hoặc một số mẫu câu hỏi chứa trống thông tin (VD: “*Bạn đã làm...?*”, “*Bạn làm... cùng với ai?*”, “*Bạn cảm thấy như thế nào khi...?*”,...) và treo ở một góc học tập của lớp để HS có thể áp dụng cho những bài tập khác. HS yếu có thể sử dụng câu hỏi và câu trả lời trong phần làm mẫu này. GV nhắc HS việc sử dụng đại từ nhân xưng cho phù hợp (*bạn – mình, cậu – tớ*), nói câu trọn vẹn, đầy đủ và biết chờ đợi đến lượt lời của mình.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng gương mặt, bàn tay kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi em nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, ánh mắt thân thiện, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ, ...*).

5.2. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS viết một việc nhà mà HS đã làm, nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (có thể viết chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm cuối câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

Lưu ý: GV không nên sửa lỗi chính tả, và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh làm trẻ chán viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của trẻ. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích.

6. Hoạt động mở rộng

(Các bước tương tự hoạt động mở rộng ở các bài trước và bài hướng dẫn chung về dạy học kiểu bài luyện tập tổng hợp.)

– HS chơi trò chơi *Ai kể nhiều hơn*.

– Luật chơi: GV chia lớp thành 2 – 4 nhóm tùy theo sĩ số lớp, thi đua kể tên những việc mà mình đã làm để giúp đỡ cha mẹ trong một khoảng thời gian nhất định hoặc cho đến khi chỉ còn một nhóm tiếp tục kể tên. GV có thể sử dụng hình thức nói hoặc viết khi cho HS liệt kê các việc đã làm.

7. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích,...).

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Những bông hoa nhỏ trên sân*).

– HS về nhà tìm đọc bài thơ hoặc câu chuyện về chủ đề thiếu nhi/ trẻ em. GV hướng dẫn HS cách tìm sách đọc tương ứng với chủ đề, VD: gợi ý HS về nhân vật/ đối tượng được nói đến trong sách là trẻ em.

BÀI 2: NHỮNG BÔNG HOA NHỎ TRÊN SÂN (tiết 5 – 8, SHS, tr. 29 – 31)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về phân chào sân giữa hai đội bóng, có trẻ em dắt cầu thủ ra sân đá bóng.

2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.

3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài có tiếng chứa vần cần luyện tập và đặt câu.

4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *Ă, Ẫ* và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kỹ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Ôn luyện và phân biệt chính tả *ng-/ ngh-* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.
7. Luyện tập nói và viết sáng tạo. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần *ăc, ătt* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Clip về một trận đá bóng có trẻ em dắt các cầu thủ ra sân, clip về các cổ động viên bóng đá (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và nói về các hoạt động diễn ra trong tranh. HS trả lời câu hỏi trong SHS (*Hoạt động trong bức tranh diễn ra ở sân vận động bóng đá*). GV hỏi HS có biết lí do vì sao có trẻ em dắt cầu thủ ra sân đá bóng không. GV không đánh giá câu trả lời của HS mà yêu cầu các em sẽ so sánh phán đoán của mình với nội dung bài sẽ đọc.

- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu với giọng đọc phù hợp kiểu văn bản thông tin. Gợi ý: đọc chậm rãi, từ tốn.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó trong bài do ảnh hưởng biến thể ngữ âm phương ngữ, như: *trận đấu, trung thực, nóng nảy, đặc biệt, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu.

– HS đọc thành tiếng. **Chú ý:** GV phải tổ chức đọc theo nhóm nhỏ để đảm bảo từng HS đều đọc hết bài đọc hoặc ít nhất một đoạn trong bài đọc; không tổ chức đọc luân phiên, nối tiếp từng câu (GV cần lưu ý việc sửa cách phát âm/ việc đọc sai của trẻ theo hướng tiếp cận cá nhân, không nhận xét, sửa sai trước toàn lớp, trừ trường hợp có nhiều HS trong lớp cùng mắc lỗi tương tự).

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *trung thực, cổ động viên, nóng nảy, bừa bãi...* Thế nào là trung thực trong khi thi đấu với nhau? Khi thi đấu mình có nên gian dối không? (Gợi ý: GV có thể sử dụng đoạn clip/ tranh ảnh về một trận bóng đá, trong đó có cảnh trẻ em dắt các cầu thủ bóng đá ra sân. Cảnh cổ động viên ủng hộ trên khán đài (khoác vai nhau hát vang, vẫy cờ...), để rút ra nghĩa của từ *cổ động viên*. GV cũng có thể cho HS xem một đoạn clip/ tranh ảnh về các cổ động viên quá khích (ném đồ vào sân, đốt pháo sáng, la ó, vứt rác bừa bãi trên khán đài...). Yêu cầu HS so sánh hai nhóm cổ động viên, từ đó rút ra nghĩa của từ *nóng nảy*. Các cổ động viên có nên ném đồ bừa bãi vào sân nếu có trẻ em ở đó không?,...).

TIẾT 2

– HS đọc lại bài đọc. (**Lưu ý:** yêu cầu HS đọc mấp máy môi/ đọc thầm, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ăc*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ăc*.)

– HS tìm từ ngữ ở ngoài bài có vần *ăc, ăc*. **Lưu ý:** với HS yếu, có thể cho HS đọc từ mẫu trong SHS và giải thích nghĩa của từ bằng nhiều hình thức khác nhau.

– HS đặt câu chứa từ có vần *ăc, ăc* vừa tìm (GV có thể nêu mẫu ngắn gọn, dùng từ mẫu ở SHS để hướng dẫn HS, VD: *Cổ động viên vẽ mặt đầy màu sắc. Em nhặt bóng giúp chú tiên đạo...*).

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi các nội dung như tên bài đọc, tên tác giả. Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm, VD: “Có bao nhiêu lí do cho việc có trẻ em dắt cầu thủ vào sân đá bóng?”,... (Gợi ý: Đối với dạng câu hỏi tìm chi tiết trong bài, GV hướng dẫn HS đọc lại bài/ đoạn rồi “khoanh vùng” phạm vi trong bài đọc chứa thông tin liên quan đến yêu cầu câu hỏi (*hình ảnh trẻ em nhắc nhở các cầu thủ..., khi có trẻ em những cổ động viên nóng nảy...*). Sau đó, yêu cầu HS đọc những phần thông tin trước hoặc sau cụm từ có trong câu hỏi, và sắp xếp thông tin để trả lời câu hỏi.)

Lưu ý: GV không cho HS trả lời câu hỏi bằng cách “đọc nguyên văn” cả đoạn hoặc một phần của bài đọc có chứa chi tiết trong câu hỏi. Nếu HS đọc nguyên văn, GV cần hướng dẫn để HS lựa chọn đúng phần thông tin có liên quan và sắp xếp các từ ngữ thành câu trả lời.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ Ă, Ằ và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ Ằ

- HS nhắc lại ý nghĩa của việc viết hoa.
- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ Ằ trên bảng (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết). HS so sánh chữ Ằ với chữ A đã học.
- HS dùng ngón tay viết con chữ Ằ hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ Ằ hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Tô chữ viết hoa chữ Ằ

Tương tự viết chữ Ằ. GV lưu ý về dấu phụ. HS so sánh chữ Ằ với chữ Ằ, A.

c. Viết câu ứng dụng của chữ Ằ

- HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*)
- HS nghe GV nhắc lại quy trình tô chữ Ằ hoa.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV (GV nhắc HS chú ý các điểm đặt bút, điểm kết thúc, nối giữa chữ hoa và chữ thường, khoảng cách giữa các chữ trong một dòng, dấu chấm cuối câu).
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS nghe GV giới thiệu về kiểu bài chính tả nghe – viết và các yêu cầu tương ứng với kiểu bài này.
- HS đọc lại câu văn được yêu cầu viết chính tả và trả lời câu hỏi về nội dung của câu văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ.
VD: *trẻ em, tình yêu.*
- HS nghe và viết câu văn vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS lùì vào đầu dòng). GV đọc lần một cả câu. Lần hai, GV đọc lại, chú ý ngắt câu tại các cụm từ có nghĩa. Lần ba, GV đọc lại câu để HS dò. GV nhắc HS có thể viết chữ in hoa chữ đầu câu (không bắt buộc viết hoa theo mẫu viết tay chữ *Trẻ*). Viết dấu chấm cuối câu.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. GV yêu cầu HS nhắc lại quy tắc chính tả *ng-/ ngh-*. GV có thể chốt lại lần nữa quy tắc này. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập để làm cơ sở cho việc hiểu nghĩa từ

(**Lưu ý:** với những HS chậm, GV có thể hỏi HS “Bức tranh số 1 vẽ bạn trai đang làm gì?” (vẽ), “Em thấy bạn ấy vẽ như thế nào?” (*ngược ngoạc*), “Với chữ *ngoạc*, em sẽ điền chữ *ng* hay chữ *nh*?”, “Bức tranh số 2 vẽ các bạn đang làm gì?” (*xếp hàng vào lớp*), “Các bạn xếp hàng như thế nào?” (*ngay ngắn*), “Với chữ *ngay*, em sẽ điền chữ *ng* hay chữ *nh*?”,...). Đối với những tiếng/ từ chứa vần khó (*ngược*), GV hướng dẫn HS cách đánh vần vần khó và đọc trơn tiếng, từ chứa vần khó.

- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với một số từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

Lưu ý: đối với bài tập chính tả phương ngữ còn lại, GV có thể tùy chọn việc thực hiện nếu còn thời gian hoặc luyện tập thêm cho HS trong các tiết học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý phần làm mẫu của bạn nhỏ. HS yếu có thể sử dụng câu mẫu trong phần làm mẫu này.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng đại từ nhân xưng cho phù hợp (*cha/ ba/ bố/ mẹ/ má – con*)).

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. (Gợi ý: GV nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (chữ viết hoa hoặc chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, sửa lỗi, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

Lưu ý: GV không nên sửa lỗi chính tả, và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh làm trẻ chán viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của trẻ. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích.

6. Hoạt động mở rộng

(Các bước tương tự hoạt động mở rộng ở các bài trước và bài hướng dẫn chung về dạy học kiểu bài luyện tập tổng hợp.)

HS nói với bạn tên bài thơ/ câu chuyện, tên tác giả về chủ đề thiếu nhi/ trẻ em và điều HS thích nhất trong bài thơ/ câu chuyện trên.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa học (tên bài, các thông tin em thấy hấp dẫn, thú vị,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Như bông hoa nhỏ*).

BÀI 3: NHƯ BÔNG HOA NHỎ (tiết 9 – 10, SHS, tr. 32 – 33)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội và việc quan sát tranh minh họa, trao đổi với bạn về cảm giác hạnh phúc khi được yêu thương.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ. Đọc đúng các tiếng chứa vần khó đọc: *suốt đời, xoè ô, vườn hoa...*
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được trẻ em là những bông hoa nhỏ của cha mẹ, thầy cô.
5. Học thuộc lòng một khổ thơ.
6. Thực hành hỏi – đáp về một việc tốt mà mình đã làm.
7. Bồi dưỡng tình cảm, cảm xúc hạnh phúc khi được yêu thương thông qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh họa tiếng có vần *ươn, ương* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Như bông hoa nhỏ*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại bài học trước: bài *Vì sao trẻ em dắt cầu thủ ra sân đá bóng?*, VD: “Có mấy lí do cho việc trẻ em dắt cầu thủ ra sân đá bóng?”,...

Lưu ý: Khi nhận xét, đánh giá phần trả lời của HS, GV cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực và cụ thể (đánh giá quá trình), VD: “Con đã đọc tốt hơn rồi!”, “Con đã biết trả lời một cách rõ ràng, tự tin.”, “Con cần chú ý ngắt nghỉ sau dấu câu nhé!”, “Con cố gắng không đọc *trung thực* thành *chung thực*, *nóng nảy* thành *lóng láy*.”; tránh những nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: “Sai, bạn nào giúp bạn?”, “Tốt.”, “Rất giỏi.”,...

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV vừa đọc mẫu, vừa dùng ánh mắt, cử chỉ, giọng nói cho phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ của văn bản thơ. Gợi ý: giọng đọc chậm rãi, giọng yêu thương, nhấn mạnh ở những ý thơ chính của văn bản (*Mà như bông hoa nhỏ/ Được yêu thương suốt đời/ Là hoa của bố mẹ/ Là hoa của thầy cô/ Bao nhiêu bạn trong lớp/ Bảy nhiều màu hoa tươi*). Chú ý việc ngắt nghỉ ở cuối dòng thơ, hết khổ thơ.).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó trong bài do ảnh hưởng biến thể ngữ âm phương ngữ, như: *chẳng, suốt, xoè, vườn, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa, như *Là/ hoa của bố mẹ// Là/ hoa của thầy cô, ...*

– HS đọc thành tiếng. **Chú ý:** GV phải tổ chức đọc theo nhóm nhỏ để đảm bảo từng HS đều đọc hết bài hoặc ít nhất một khổ thơ; không tổ chức đọc luân phiên từng câu (đây là văn bản thơ, GV có thể đọc luân phiên theo khổ). GV cần lưu ý việc sửa cách phát âm/ việc đọc sai của trẻ theo hướng tiếp cận cá nhân, không nhận xét, sửa sai trước toàn lớp, trừ trường hợp có nhiều HS trong lớp cùng mắc lỗi tương tự.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu (**Lưu ý:** Hạn chế cách giải thích nghĩa của từ điển. Tận dụng cách giải thích nghĩa bằng phương pháp trực quan, đặt câu hoặc dùng ngữ cảnh nếu có thể).

– HS đọc lại bài thơ. (**Lưu ý:** yêu cầu HS đọc mấp máy môi/ đọc thầm, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ươn, ương*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ươn, ương*.)

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ươn, ương*. (**Lưu ý:** với HS yếu, có thể cho HS đọc từ mẫu trong SHS và giải thích nghĩa của từ bằng nhiều hình thức khác nhau.)

– HS đặt câu chứa từ có vần *ươn, ương* vừa tìm (GV có thể nêu mẫu ngắn gọn để hướng dẫn HS, VD: *Em giơ tay vươn lên trời; Em bé cười sung sướng*.)

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi thêm các nội dung, như tên bài thơ, tên tác giả, bài thơ có mấy khổ, mỗi dòng có mấy chữ, chữ đầu dòng thơ được viết như thế nào... Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Bài thơ viết về ai?”, “Ai được bố mẹ, thầy cô yêu thương?”,... Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm về nội dung chính của bài thơ, “Bài thơ nói về điều gì? Hãy chọn ý đúng: a. Mỗi bạn nhỏ là một bông hoa của bố mẹ, thầy cô; b. Mỗi bạn nhỏ là một bông hoa biết hát.”,... Đây là kỹ năng khó với HS tiểu học do các em hay

bị nhiễu bởi nội dung của từng khổ. Vì vậy, cách hỗ trợ HS là GV đưa ra hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn để HS đối chiếu với các ý đã biết, rồi chọn đáp án đúng.

– HS học thuộc một khổ thơ yêu thích (GV hướng dẫn HS học thuộc bằng cách dùng bảng phụ, xoá dần các cụm từ; GV để HS tự lựa chọn, nhắc HS về nhà học thuộc lòng khổ thơ đó. Trường hợp có HS thuộc luôn tại lớp, GV nên biểu dương HS đó và khuyến khích các HS khác học tập).

4. Luyện nói sáng tạo

- HS đọc và trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.
- HS quan sát tranh gợi ý và động não suy nghĩ về những việc tốt mà mình đã làm.
- HS nghe GV nhắc lại cách đặt câu hỏi cho phù hợp với nội dung của bài tập. (Gợi ý: GV nhắc lại cách sử dụng bảng từ dùng để hỏi, VD: *ai, cái gì, điều gì, làm gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao,...* để lựa chọn câu hỏi phù hợp với mục đích hỏi của mình. GV nhắc HS có thể sử dụng một số mẫu câu hỏi chưa trông thông tin (VD: “*Bạn đã làm...?*”, “*Bạn làm... cùng với ai?*”, “*Bạn cảm thấy như thế nào khi...?*”,...) có trên bảng từ để hỏi/ bảng mẫu câu dùng để hỏi treo ở một góc học tập của lớp. Với HS yếu, GV có thể hướng dẫn HS thêm từ để hỏi vào câu lệnh của bài tập, VD: “*Bạn đã làm việc gì tốt?*”, “*Bạn làm việc tốt đó với ai/ ở đâu/ khi nào,...*”, “*Bạn cảm thấy như thế nào sau khi làm một việc tốt?*”,...).
- HS tiến hành phân vai người hỏi, người trả lời và ngược lại.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng đại từ nhân xưng cho phù hợp (*bạn – mình, câu – tớ*), sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng gương mặt, bàn tay kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi em nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, thân thiện, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ,...*).

5. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Em là hoa hồng nhỏ* của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, khổ thơ/ câu thơ/ hình ảnh em thích,...
- HS đọc thuộc lòng ở nhà, nhắc HS khi đi học về cần chào hỏi cha mẹ/ ông bà/ anh chị em.
- Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn một văn bản thơ đồng dao.
2. Chỉ ra từ chỉ hoạt động có trong bài đồng dao và đặt câu có chứa từ chỉ hoạt động vừa tìm.
3. Phát triển lời nói theo nội dung yêu cầu.
4. Viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói.
5. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái – biết chia sẻ, giúp đỡ cha mẹ, ông bà và phẩm chất tự tin về những khả năng của bản thân thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS đọc bài thơ *Mười ngón tay* và thảo luận với bạn về các từ chỉ hoạt động có trong bài.
- HS đặt câu với những từ vừa tìm được và viết vào vở.

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của hoạt động: *Nói với bạn về những việc em có thể làm được* (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi gợi ý cho HS hiểu nội dung hoạt động).
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ về những việc mình có thể tự làm được.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng gương mặt,

bàn tay kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi em nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, ánh mắt thân thiện, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ, ...*).

3.2. *Viết sáng tạo*

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết theo mẫu câu *Em có thể...* (Gợi ý: GV hướng dẫn HS viết tên việc làm/ tên hoạt động mà mình có thể làm sau cụm từ *Em có thể...* GV nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, sửa lỗi vào dòng sửa lỗi trong VBT nếu có (**Lưu ý:** GV không nên sửa lỗi chính tả, và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh làm HS chán viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của HS. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích).

4. *Củng cố, dặn dò*

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).

– HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN CÂU CHUYỆN VỀ CHỦ TRỒNG CHOAI (tiết 12, SHS, tr. 34)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Câu chuyện về chủ trồng choai*, tên chủ đề *Những bông hoa nhỏ* và tranh minh họa.
2. Dựa vào tranh minh họa, câu hỏi gợi ý dưới tranh để xây dựng các tình tiết, diễn biến của câu chuyện.
3. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh họa, bước đầu kể toàn bộ câu chuyện.
4. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
5. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.
6. Bồi dưỡng phẩm chất kiên trì với mục tiêu/ mong ước của bản thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Tranh minh họa truyện.

Nội dung truyện

Câu chuyện về chú trống choai

1. Ngày xưa, gà trống chơi thân với mặt trời. Theo lời hẹn, khi gà trống gáy, mặt trời sẽ thức dậy toả sáng muôn nơi.

Trống choai muốn học theo bác gà trống. Tuy đã cố hết sức, cậu vẫn chưa gáy được. Ngán, ngỗng, vịt chế giễu trống choai, nhưng cậu không nản, ngày nào cũng thức dậy sớm tập gáy.

2. Một hôm, đã đến giờ mặt trời chiếu sáng nhưng khắp nơi vẫn tối đen, các con vật vô cùng lo lắng. Trống choai vội chạy đến nhà bác gà trống:

– Bác ơi...

Gà trống thều thào:

– Bác... mệt... quá... không... dậy... được... Cháu... giúp... bác...

Trống choai dạ vâng rồi nhảy lên bờ rào, lấy hơi, cất tiếng gáy:

– Ồ... ó... ó...

3. Mặt trời vẫn ngủ vì tiếng gáy của trống choai quá bé. Cậu hít hơi, vươn mình, cố sức gáy. Thế rồi, tiếng gáy của cậu vang xa. Mặt trời bừng tỉnh. Muôn vật reo hò cảm ơn trống choai.

4. Từ đó, sáng nào trống choai cũng cùng gà trống gọi mặt trời dậy.

Phỏng theo *Mẹ kể con nghe*

Câu hỏi:

1. Em thấy chú gà trống choai có điểm gì đáng khen?
2. Nếu gặp một việc khó, em sẽ làm gì?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước. VD: “Tên câu chuyện là gì?” (*Vượt qua nỗi sợ*), “Câu chuyện kể về ai và cái gì?” (*Bạn Liên và việc vượt qua nỗi sợ độ cao của bạn ấy*), “Em thấy Liên có điểm gì đáng khen?”, “Em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?”,...

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Câu chuyện về chú trống choai*. **Lưu ý:** HS có thể chưa hiểu nghĩa của từ *trống choai*, GV cần hướng dẫn để giúp HS nhận ra *trống choai* là con gà trống mới lớn, đang chuẩn bị tập gáy.

– Dựa vào tranh minh hoạ, tên truyện và các từ ngữ có trong tranh minh hoạ, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?”, “Ai là nhân vật chính?” (gà trống choai), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (khu vườn), “Em nghĩ câu chuyện sẽ kể điều gì về chú gà trống choai?” (tập gáy), “Có chuyện gì với bác gà trống”, “Câu chuyện kết thúc như thế nào?”, ...)

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập xây dựng truyện theo tranh và kể chuyện

– HS quan sát tranh minh hoạ, từ ngữ trong bóng nói của các nhân vật và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh. (Gợi ý: GV sử dụng thêm các câu hỏi phụ để giúp HS nhận diện các yếu tố truyện có trong tranh như nhân vật chính, tình tiết chính tương ứng với mỗi tranh. VD: “Bức tranh thứ nhất gồm có những ai? Các nhân vật đó đang làm gì? Ở đâu? Vào lúc nào?... Tương tự cho các tranh khác.)

– HS trao đổi với bạn về nội dung của từng tranh. GV giúp HS phát triển ý tưởng và lời nói bằng các kỹ thuật mở rộng ý, thêm chen từ ngữ, VD: “Liệu ngay từ đầu, trống choai đã gáy ngay được chưa?”, “Nếu trống choai chưa gáy được hoặc gáy không hay, em nghĩ trống choai có bị chế giễu không?”, “Khi bị chế giễu, liệu trống choai có từ bỏ việc tập gáy không?”, “Khi thay thế bác gà trống, em nghĩ liệu trống choai có thể gọi được mặt trời dậy không?”,...

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ với âm lượng nhỏ, đủ nghe trong nhóm nhỏ. (GV nhắc HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể và khi ngồi nghe kể: nhìn người kể, có những dấu hiệu bằng mắt và bằng từ ngữ để xác nhận việc mình đang nghe bạn kể chuyện. Nếu có một HS không kể được, GV có thể hướng dẫn các bạn khác trong nhóm hỗ trợ bạn bằng cách đặt các câu hỏi cho bạn.)

– HS/nhóm HS thực hiện kể toàn bộ câu chuyện trước lớp. (GV nhắc HS sử dụng âm lượng, ánh mắt, cử chỉ, biểu cảm của gương mặt khi kể trước lớp.)

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: “Em thấy trống choai có điểm gì đáng khen?”, “Nhờ đâu mà trống choai có thể gọi được mặt trời dậy?”, “Nếu gặp một việc khó, em sẽ làm gì?”, “Khi muốn theo đuổi mơ ước, em sẽ làm gì?”...).

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.

– Hướng dẫn HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng).

– Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Mưa).